

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Tiến, thị xã Hương Trà đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định thu thập, cập nhật, quản lý, tích hợp, khai thác và sử dụng dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 834/NQ-UBTVQH14 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 73/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2012 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hồng Tiến, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bình Điền, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị thị xã tại Báo cáo thẩm định số 656/BC-QLĐT ngày 09 tháng 6 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Tiến, thị xã Hương Trà đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch**

*a. Phạm vi ranh giới:* Hiện trạng ranh giới hành chính xã Bình Tiến.

+ Phía Đông tiếp giáp xã Bình Thành, thị xã Hương Trà.

+ Phía Tây tiếp giáp xã Phong Sơn, huyện Phong Điền; các xã Hồng Hạ, Hương Nguyên, huyện A Lưới.

+ Phía Nam tiếp giáp xã Bình Thành thị, xã Hương Trà và xã Hương Nguyên, huyện A Lưới.

+ Phía Bắc tiếp giáp phường Hương Vân, xã Hương Bình và xã Bình Thành thị xã Hương Trà.

*b. Quy mô:*

- Quy mô đất đai: Diện tích khu vực lập quy hoạch khoảng 967,91 ha;

- Quy mô dân số: Đến năm 2035 khoảng 8.254 người, dự báo đến năm 2050 là 10.018 người, 2505 hộ. Tỷ lệ dân số tăng cơ học là khoảng 1,3%.

**2. Tính chất:** Bình Tiến là đô thị vệ tinh mang tính chiến lược phát triển theo hướng đô thị của thị xã Hương Trà nói riêng và của Thừa Thiên Huế nói chung; là địa bàn có nhiều tiềm năng, cơ hội phát triển mạnh về lâm nghiệp, dịch vụ - thương mại và các ngành nghề chế biến nông - lâm sản khác; Phát triển sản xuất, chỉnh trang và xây dựng mới kết cấu hạ tầng đồng bộ, thúc đẩy phát triển dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp trên địa bàn.

### **3. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội theo hướng đô thị và giảm nghèo bền vững.

- Xây dựng và sắp xếp không gian, kiến trúc, cảnh quan, hệ thống hạ tầng trên địa bàn xã phù hợp với các đặc điểm của điều kiện tự nhiên, sinh thái; phù hợp tập quán sinh hoạt văn hóa truyền thống, phát triển sản xuất và khai thác được những tiềm năng, lợi thế của địa phương đảm bảo bền vững, ổn định.

- Từng bước hình thành các thiết chế về kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế theo hướng thúc đẩy tích cực, chủ động tiếp cận tham gia của người dân.

- Là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động đầu tư, chỉnh trang, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

#### 4. Quy mô dân số, lao động và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a. *Quy mô dân số và lao động*: Dự báo đến năm 2035 khoảng 8.254 người, tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 10.018 người; Dân số cơ học tăng khoảng 1,3% so với dân số cố định; Dự báo số lượng lao động đến năm 2035 khoảng 5530 người, tầm nhìn đến 2050 khoảng 6 712 người (*khoảng 67% dân số*).

b. *Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu*: Các yêu cầu và chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Điều 8 Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/7/2015 của Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021; QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### 5. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

##### 5.1. Xác định cơ cấu phân khu chức năng toàn xã

5.1.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp: Định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng thực hiện các giải pháp đồng bộ để thực hiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh; Hiện nay theo đánh giá hiện trạng 19 tiêu chí thì tiêu chí hộ nghèo xã chưa đạt, do đó định hướng phát triển các vùng sản xuất để đạt tăng trưởng cao trong kinh tế từ đó có cơ sở định hướng để đến 2035 xã sẽ đạt tiêu chí này; Định hướng quy hoạch sản xuất nông nghiệp toàn xã gồm các vùng sản xuất chính như sau:

- **Vùng trồng lúa**: Diện tích 9,4ha, tập trung đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- **Vùng trồng rau**: Với quy mô 12ha, trồng các loại rau màu cao cấp có chất lượng cao vào sản xuất để nâng cao giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích canh tác; Mở rộng mô hình trồng rau màu, ớt....

- **Vùng trồng cây lâu năm**: Với quy mô 163,19 ha, phát triển theo mô hình kinh tế hộ gia đình. Tăng cường cảnh quan, môi trường.



- **Vùng nuôi trồng thủy sản:** Với quy mô 7ha, từ lợi thế vùng hồ thủy điện và một số mặt nước tự nhiên trên địa bàn, xem xét chọn mô hình đưa vào nuôi có hiệu quả kinh tế cao để nhân rộng.

- **Vùng trồng cây công nghiệp và lâm nghiệp:** Với quy mô diện tích rất lớn trên địa bàn xã, đây là một trong thế mạnh về phát triển kinh tế của xã. Khuyến khích phát triển mô hình trồng rừng gỗ lớn theo chứng chỉ FSC và các loại cây công nghiệp khác.

- **Vùng chăn nuôi:** Hiện nay chủ yếu theo mô hình gia trại, tập trung chăn nuôi theo hướng hàng hóa, khuyến khích tạo điều kiện ưu đãi vốn vay để mở rộng gia trại, trang trại; Phát triển đàn lợn nái có chất lượng để cung ứng con giống tại chỗ; Tăng cường kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, mở rộng mạng lưới thú y, tích cực phòng, chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm; Định hướng phát triển mô hình trang trại tại các khu vực quy hoạch xây dựng trang trại.

- **Vùng trang trại:** Định hướng quy hoạch vùng trang trại tập trung với mô hình nuôi gia súc như trâu, bò, lợn kết hợp với trồng cỏ có quy mô 20ha tại khu vực đồi cao của xã Bình Điền cũ.

5.1.2. Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ: Định hướng phát triển sản xuất công nghiệp – dịch vụ theo hướng thực hiện các giải pháp đồng bộ, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; Định hướng phát triển mạnh trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ để đạt tăng trưởng cao trong kinh tế từ đó phấn đấu đến năm 2035 tỷ trọng công nghiệp – dịch vụ đạt khoảng 30% trong cơ cấu kinh tế.

5.1.3. Tổ chức mạng lưới điểm dân cư: Đất dân cư được phân bố tập trung theo từng cụm thôn và khu vực trung tâm xã; Quy hoạch đến 2035 tổng đất ở là 292,59ha; Điểm dân cư của xã gồm khu ở tại trung tâm, chỉnh trang và mở rộng các khu ở theo từng thôn hiện trạng; đảm bảo kết nối các khu ở với nhau và gắn liền với đất sản xuất theo mô hình kinh tế hộ gia đình; Tổ chức không gian thôn xóm, nhà ở và sinh hoạt cộng đồng phù hợp các thiết chế văn hóa truyền thống kết hợp hiện đại.

5.1.4. Khu trung tâm xã: Với tính chất là đô thị động lực, nằm ở vị trí trung tâm cụm các xã vùng núi thuộc thị xã Hương Trà, kết nối huyện A Lưới và khu kinh tế cửa khẩu Việt - Lào; nên chọn Khu trung tâm xã ở vị trí thôn Bình Lợi và thôn Đông Hòa; dựa trên cơ sở hiện trạng và bổ sung thêm các công trình văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ công cộng, phù hợp với định hướng đô thị trong tương lai.

## 5.2. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Tổ chức không gian cho khu vực trung tâm xã gắn liền với khai thác giá trị kinh tế và cảnh quan của khu vực Khe Diêng và sông Hữu Trạch. Ngoài ra khu vực hồ Thủy điện Bình Điền có vị trí cảnh quan thiên nhiên đẹp, hấp dẫn phù hợp cho phát triển dịch vụ thương mại và du lịch, bổ sung thêm các công trình dịch vụ, du



lịch và tiểu thủ công nghiệp; Toàn xã định hướng tổ chức không gian theo định hướng đô thị sinh thái gắn với tiềm năng thế mạnh về nông - lâm nghiệp của xã, đây là giải pháp quy hoạch phù hợp với điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai.

- Đối với khu vực dân cư hiện hữu tiếp tục chỉnh trang; định hướng một số các khu dân cư mới tập trung tại các thôn và khu trung tâm xã; Phát triển dân cư tập trung chọn các vùng đất thuận lợi và gắn liền với giao thông chính của xã gồm Tỉnh lộ 16, đường trục xã và các trục đường liên thôn để phát triển, hạn chế phát triển chức năng ở dọc QL49; Các khu nhà ở kết hợp làm dịch vụ cần tổ chức không gian đón khách, nghỉ chân kết hợp với các vườn cây cảnh hấp dẫn du khách đến thăm.

- Đối với vùng sản xuất nông nghiệp, sắp xếp hợp lý quỹ đất đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm và lâu năm; đất lâm nghiệp định hướng chuyển đổi trồng các loại cây đem hiệu quả kinh tế cao như cây cao su, cây trồng lấy gỗ...

- Xây dựng một số điểm công nghiệp nông thôn, chế biến gỗ sản xuất, đồ mộc, kinh doanh vật liệu xây dựng ... góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển đồng thời tạo được việc làm cho lao động địa phương.

- Hệ thống hạ tầng được định hướng quy hoạch kết nối các thôn với vùng sản xuất, với trung tâm và các vùng liên xã; Đối với khu vực đồi núi chú trọng hệ thống hạ tầng đảm bảo tận dụng địa hình tự nhiên, tránh đào đắp nhiều.

### **5.3. Định hướng hệ thống công trình công cộng, hạ tầng xã hội**

\* *Trung tâm xã*: Trung tâm hành chính – văn hóa - giáo dục - dịch vụ, quy mô 75ha, hình thành trên cơ sở hiện trạng của xã tại hai thôn Đông Hòa và Bình Lợi (xem phần quy hoạch chi tiết khu trung tâm).

\* *Hệ thống các trường học*: Trong địa bàn xã có đầy đủ hệ thống giáo dục và đã đạt chuẩn Quốc gia; Định hướng đến 2035 cụ thể như sau:

- *Trường mầm non*: Định hướng xây dựng mới 14 phòng học cấp 4 đảm bảo theo quy chuẩn trường mầm non hiện hành; Phòng hiệu bộ và chức năng cần nâng cấp 03 phòng cũ và xây dựng mới khu hiệu bộ, các phòng chức năng tiên tiến hiện đại.

- *Trường tiểu học Bình Điền*: Xây dựng mới 06 phòng học và 03 phòng chức năng, nhà thể thao đa năng và một số trang thiết bị dạy học tiên tiến; Xây dựng mới khối 02 phòng học.

- *Trường THCS Trần Đăng Khoa*: Định hướng xây dựng mới khu hiệu bộ độc lập, nhà tập thể thao đa năng và một số trang thiết bị dạy học tiên tiến ...

\* *Các công trình văn hóa, thể thao*:

- *Nhà văn hóa xã và công viên trung tâm*: Quy mô 9 950 m<sup>2</sup>. Được xây mới và bố trí tại trục chính trung tâm của xã trên khu đất trước sân bóng đá cũ của xã.



- *Khu vực nhà thi đấu và sân vận động*: Được quy hoạch mới tại khu vực giáp ranh trại giam Bình Điền với diện tích 5ha.

- *Nhà văn hóa thôn*: Các nhà văn hóa và khu vui chơi giải trí tại 9 thôn (chi tiết xem mục Quy hoạch xây dựng).

- *Các công trình y tế*: Giữ nguyên vị trí Bệnh viện hiện trạng, tiếp tục đầu tư mở rộng theo nhu cầu; chuyển đổi mục đích sử dụng Trạm y tế xã Bình Điền cũ.

- *Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng*: Quan tâm cải tạo trùng tu phù hợp quy hoạch nhằm gìn giữ nét văn hóa của người dân.

- *Các công trình dịch vụ, du lịch*:

+ *Chợ trung tâm Bình Điền*: Chính trang và xây dựng mới với quy mô diện tích đất 9 304m<sup>2</sup>.

+ *Các điểm dịch vụ khác*: Phát triển mới một số công trình dịch vụ thương mại tạo điểm nhấn cho khu vực trung tâm và có kiến trúc hiện đại.

+ *Khu vực du lịch*: Hợp tác khai thác dịch vụ tại lòng hồ thủy điện Bình Điền và các hệ thống khe suối trên địa bàn xã phục vụ tham quan nghỉ dưỡng.

+ *Điểm dịch vụ khác*: Bến xe trung tâm được xây dựng trên khu đất phía Đông Quốc lộ 49 với diện tích 1709,1m<sup>2</sup> trên cơ sở đất lâm nghiệp; Bãi đỗ xe trung tâm bố trí cạnh chợ Bình Điền và trung tâm dịch vụ thương mại với diện tích 1063 m<sup>2</sup>.

\* *Các công trình Cơ quan hành chính sự nghiệp*: Tiếp tục cải tạo, chỉnh trang và đầu tư nâng cấp đồng bộ, hài hòa với các thiết chế của một khu trung tâm xã.

\* *Các công trình nhà ở*: Các thôn xóm bố trí dọc theo đường giao thông chính; giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường chính đảm bảo lưu thông thuận lợi nhất; Trồng cây xanh cách ly khu dân cư và khu nghĩa địa.

#### **5.4. Định hướng sử dụng đất theo nhu cầu phát triển**

1. Đất nông nghiệp: Trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2035, diện tích các loại đất nông nghiệp được bố trí sử dụng như sau:

- Đất trồng lúa nước: Diện tích 21,13 ha; giảm 0,9ha so với hiện trạng năm 2021, được sử dụng vào mục đích xây dựng các khu dân cư mới và phát triển hệ thống hạ tầng giao thông.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 313,75 ha; tăng 147,19 ha so với hiện trạng năm 2021, được chuyển đổi bổ sung một số vị trí đất rừng sản xuất, đất trồng cây ăn quả.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 447,26 ha; giảm 64,7ha, được sử dụng vào mục đích quy hoạch khu trang trại, khu du lịch, mở rộng hệ thống giao thông và xây dựng các khu dân cư mới.

- Đất trồng rừng sản xuất: Diện tích 4226,26 ha; giảm 495,76 ha so với hiện



trạng năm 2021, được sử dụng vào mục đích quy hoạch khu trang trại, khu vực thu gom rác, khu giết mổ gia súc, khu trung tâm xã, khu dịch vụ, mở rộng hệ thống giao thông và xây dựng các khu dân cư mới.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 7262,82 ha; giảm 7,78 ha so với hiện trạng năm 2021, được sử dụng vào mục đích quy hoạch khu trang trại, mở rộng hệ thống giao thông.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 7ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2020.

2. Đất phi nông nghiệp: Đến năm 2035, các loại đất phi nông nghiệp được bố trí sử dụng như sau:

a. *Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp*: Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 4,54 ha; giảm 2,48 ha với hiện trạng năm 2021, diện tích giảm do cắt giảm đơn vị hành chính cấp xã và phục vụ cho nhu cầu phát triển giao thông.

b. *Đất cơ sở sản xuất kinh doanh*: Diện tích 8,30, tăng 2,85 ha so với năm 2021.

c. *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Diện tích 1,00 ha, tăng từ đất rừng sản xuất kém hiệu quả.

d. *Đất tôn giáo, tín ngưỡng*: Diện tích 1,57ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2021.

f. *Đất nghĩa trang, nghĩa địa*: Diện tích 22,0 ha, tăng 16,94ha so với hiện trạng năm 2021, được sử dụng bố trí 01 nghĩa trang tập trung cho toàn xã từ diện tích đất rừng sản xuất, đất chưa sử dụng và đất trồng cây hàng năm.

g. *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Diện tích 0,06ha, giữ nguyên so với năm 2021.

h. *Đất sử dụng vào mục đích công cộng*: Diện tích 672,59 ha, chiếm 4,81% tổng diện tích tự nhiên; trong đó:

\* *Đất giao thông*: Quy mô 136,78 ha, tăng 33,10 ha so với năm 2021.

\* *Đất phát triển dịch vụ du lịch*: Quy mô 41,94 ha.

\* *Đất công trình bưu chính viễn thông*: Diện tích 746,8m<sup>2</sup>, giảm 259m<sup>2</sup> đưa vào đất giao thông.

\* *Đất cơ sở văn hoá - TDTT*: Quy mô 7ha, tăng 5,89 ha so với năm 2021.

\* *Đất cơ sở y tế*: Mở rộng quy mô, diện tích 2,569.6m<sup>2</sup>, tăng 1100m<sup>2</sup> so với năm 2021 do mở rộng bệnh viện Bình Điền có diện tích hiện trạng 18292,7m<sup>2</sup>

\* *Đất cơ sở giáo dục - đào tạo*: Quy mô 35,59 ha, giảm 8,79 ha so với hiện trạng năm 2021 (thuộc đất giao thông quy hoạch)

\* *Đất chợ*: Quy mô 9304 m<sup>2</sup>, tăng 5049m<sup>2</sup> so với hiện trạng năm 2021.

\* *Đất ở nông thôn*: Quy mô 292,59ha, tăng 190,95 ha so với hiện nay.

3. Đất chưa sử dụng: Với mục tiêu khai thác tối đa tiềm năng đất chưa sử dụng, dự kiến đến năm 2035 sẽ đưa 101,92 ha đất bằng chưa sử dụng vào mục



đích công cộng như mở các tuyến giao thông, quy hoạch đất ở mới và xây dựng các công trình như Nhà văn hóa, dịch vụ thương mại ...

### 5.5. Định hướng tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống giao thông: Tuyến giao thông chính là Quốc lộ 49, đầu nối của các tuyến giao thông liên xã, liên thôn, tạo tính liên hoàn liên kết các thôn và kết nối được với trung tâm xã; Các tuyến trong thôn được nâng cấp, mở rộng, chỉnh tuyến, đầu nối ra tuyến liên thôn và trực chính thôn.

- Hệ thống cấp nước: Đầu nối với tuyến có sẵn của xã, mạng lưới xương cá; Tuyến ống chính chạy theo các trục giao thông chính, rẽ nhánh các tuyến ống nhỏ vào thôn xóm; Giải quyết áp lực nước phù hợp với địa hình và nhu cầu xây dựng nhà trong tương lai của xã.

- Hệ thống thoát nước: Thoát nước mặt và nước thải, các tuyến cống, mương được quy hoạch từ khu dân cư chảy về hệ thống kênh mương trên địa bàn xã ra khu vực Khe Diêng và sông Hữu Trạch sau khi được xử lý; Hướng thoát theo địa hình tự nhiên của xã; Đối với khu vực công nghiệp và làng nghề phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước chung toàn xã.

- Hệ thống thủy lợi: Phù hợp với hệ thống giao thông nội đồng và kênh mương có sẵn; các trạm bơm, kênh mương, đập, cầu, cống, phù hợp với nhu cầu tưới, tiêu, nuôi trồng thủy sản phục vụ sản xuất của xã.

- Hệ thống cấp điện: Quy hoạch xây dựng thêm trạm biến áp, và hệ thống đường dây trung thế và hạ thế; Đối với các khu vực công nghiệp, khu vực trang trại cần xây dựng trạm biến áp riêng phục vụ sản xuất; Đối với hệ thống điện cao thế 500kv có hành lang an toàn là 50m, hệ thống điện 220kv có hành lang an toàn là 30m, trong khu vực này không được phép xây dựng công trình.

5.5.1. Chuẩn bị kỹ thuật: Xã Bình Tiến thuộc vùng núi, độ dốc tự nhiên lớn, giải pháp san nền chung toàn xã là bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp, tránh sạt lở.

- Nền xây dựng: Khu vực xây dựng mới: Cao độ nền (dự kiến): Hmin > 0,8m; cao độ công trình lớn hơn cao độ nền ít nhất 0,45m; khu vực cải tạo, chỉnh trang: nâng sàn công trình 0,3 - 0,5m; nâng cao độ nền cải tạo sân vườn.

- Thoát nước mặt: Khu dân cư: Định hướng chung là chảy tràn và mương thoát nước cho các khu dân cư dọc theo các đường nội bộ thôn và liên thôn; Khu vực trung tâm xã: Định hướng mạng lưới cống có đường kính D600, D800, D1000; hướng thoát về các khe suối, đổ vào khe Diêng trước khi hòa vào sông Hữu Trạch ở phía hạ lưu khu vực.

### 5.5.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:

\* *Giao thông đối ngoại:*



Quốc lộ 49: Lộ giới 27m; mặt cắt ngang (6m+15m+6m).

Tỉnh lộ 16: Lộ giới 31m; mặt cắt ngang (3m + 11,5m + 2m + 11,5m + 3m).

\* *Giao thông đối nội*: Gắn liền với định hướng phát triển đô thị trong tương lai, quy hoạch hệ thống giao thông xã có lộ giới và quy định theo quy hoạch đô thị, lớn hơn so với tiêu chí của nông thôn mới, cụ thể như sau:

\* *Đối với khu vực trung tâm xã và các khu vực ở*:

- Trục trung tâm xã: Lộ giới 27m; mặt cắt ngang (3m + 9. 5m + 2m + 9.5m + 3m).

- Các tuyến trục thôn, liên thôn mới: Lộ giới từ 11,5m đến 13,5m (mặt 7,5m).

- Các tuyến dọc Khe Điêng với lộ giới 11,5m và các đường dạo bê tông 3,5m tạo cảnh quan cho khu vực trung tâm xã.

- Mở rộng đường liên thôn lộ giới 13,5m, mặt cắt ngang (3m + 7. 5m + 3m).

- Mở rộng đường chính thôn lộ giới  $\geq 11,5m$ , mặt đường 7,5m.

- Đường xóm lộ giới  $\geq 7,5m$ , mặt đường  $\geq 5,5m$ ;

- Đường nhóm nhà ở hiện trạng chính trang lộ giới  $\geq 4m$ , mặt đường 4m;

- Các tuyến chính phục vụ sản xuất, lộ giới 11,5 m÷13,5m. mặt đường 5,5m ÷ 7,5m.

\* *Công trình bến xe*: Quy mô khoảng 1,7ha, tại khu vực trung tâm xã.

5.5.3. Cấp nước:

- Tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước sinh hoạt:

+ Năm 2025: 80l/ng/ngđ cấp cho 100% dân;

+ Năm 2030: 100l/ng/ngđ cấp cho 100% dân;

+ Nước công cộng: 15%Qsh;

+ Nước công nghiệp: 15% Qsh;

+ Nước dự phòng rò rỉ: 20%Qsh;

- Nguồn nước: Nâng cấp nhà máy cấp nước Bình Tiến, vị trí đặt nhà máy là tại thôn Đông Hòa; Công suất tính toán theo quy hoạch chung đến năm 2030 là 2000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Mạng lưới đường ống sử dụng mạng lưới kết hợp.

- Đường ống chính chạy dọc theo đường quốc lộ 49 có đường kính D100-D300, các tuyến nhánh phân phối đến khu dân cư và làng bản có đường kính từ D50-D90.

- Giữ nguyên hiện trạng hệ thống cấp nước đã có ở địa bàn xã, nâng cấp trạm cấp nước hiện có. Định hướng từ hệ thống chính rẽ nhánh các tuyến nhỏ vào xóm dân cư hiện nay chưa có và các khu dân cư định hướng mới.

- Sử dụng mạng lưới kiểu cành cây; Dựng ống HDPE để cấp nước cho khu vực nghiên cứu. ống HPDE D90 chạy theo tuyến chính, các nhánh sử dụng ống D63; Đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,7m (đối với ống có

đường kính nhỏ hơn D75 đặt trên vỉa hè) và tối thiểu 1,1m (đối với ống qua đường xe chạy).

- Giải quyết áp lực: Mạng lưới cấp nước tính đảm bảo cấp nước cho nhà thấp tầng.

- Giải quyết khi có cháy: Tận dụng hệ thống sông suối ao hồ trong khu vực làm nguồn nước chữa cháy, khi có cháy xảy ra sử dụng xe cứu hỏa lấy nguồn nước sông, suối ao, hồ gần nhất để chữa cháy.

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt.

5.5.4. Cấp điện, chiếu sáng và hạ tầng viễn thông thụ động: Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt dân dụng: lấy bằng 70% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt dân dụng đô thị loại V; Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn theo tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn; Nhu cầu điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn (trung tâm xã, liên xã) phải đảm bảo  $\geq 15\%$  nhu cầu điện sinh hoạt của xã; Tổng nhu cầu cấp điện cho khu vực nghiên cứu là: 651kW tương đương 765kVA (Với hệ số  $\text{Cos}\varphi = 0.85$ ).

- Nguồn điện:

+ Nguồn điện cung cấp do công ty điện lực chi nhánh Bình Tiến cung cấp, vị trí đấu nối tại trạm trung thế Bình Tiến.

+ Lưới điện: Lưới trung áp 22kV giữ nguyên hiện trạng, chỉ thay mới các tuyến dây đã qua hạn sử dụng.

+ Kéo đường dây hạ thế 22/0,4kV và trung thế 22kV theo các trục giao thông quy hoạch đến các khu dân cư mới.

+ Xây dựng tuyến điện đường chiếu sáng ở khu trung tâm xã và các tuyến rẽ. Tập trung khu vực công trình công cộng, công viên cây xanh,...

+ Trạm hạ áp 22/0,4kV: Giữ nguyên 13 trạm biến áp. Xây mới 6 trạm biến áp công suất 50-180kva phục vụ khu dân cư trung tâm xã, các khu du lịch sinh thái, chợ, khu thương mại dịch vụ.

Định hướng quy hoạch theo quy định tại Điều 40 Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông; hệ thống viễn thông thụ động định hướng đến năm 2035 đảm bảo nhu cầu phủ sóng sử dụng cho trên 95% dân số; đạt trên 20 hộ thuê bao sử dụng internet /100 dân.

5.5.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Các chỉ tiêu chính:

+ Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 80l/người/ngày.

+ Tiêu chuẩn thoát nước công cộng: 10% sinh hoạt.

+ Tiêu chuẩn thoát nước công nghiệp: 8% sinh hoạt.

+ Tiêu chuẩn chất thải rắn sinh hoạt: 0,8 kg/người/ngày.



+ Tiêu chuẩn chất thải rắn công nghiệp: 0,3 tấn/ha/ngđ (tính trên 70% diện tích).

+ Tiêu chuẩn đất nghĩa trang: 0,6 ha/10.000 dân.

- Thoát nước sinh hoạt dự kiến thoát nước chung với hệ thống thoát nước mặt, có xử lý nước thải tại nguồn phát sinh như sau: Các hộ dân chưa đủ điều kiện: sử dụng xí 2 ngăn, ủ phân hợp vệ sinh; Các hộ dân chăn nuôi hay có điều kiện và khả năng kinh tế: xây dựng bể tự hoại hoặc bể bioga để xử lý phân, nước thải; Nước thải sinh hoạt từ các khu công cộng: phải xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước, chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

- Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn sẽ được xử lý bằng bể bioga, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

- Hệ thống thoát nước của điểm tiêu thụ công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng; Nước thải sản xuất phải xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN24-2009 (nguồn loại B); Dự kiến mỗi điểm TTCN có 1 trạm xử lý nước thải với công suất 100 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ; CTR hữu cơ cho chăn nuôi gia súc, ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp; CTR vô cơ được thu gom vận chuyển lên lò đốt rác riêng của xã Bình Tiến.

- Nghĩa trang và mai táng: Sau năm 2025 tổ chức đóng cửa các khu nghĩa địa hiện hữu không phù hợp quy định; Vận động nhân dân tự di dời và không mở rộng phát triển thêm, đối với những hộ khi có người thân qua đời an táng tại khu quy hoạch nghĩa trang mới của xã nhằm đảm bảo sức khỏe, môi trường không bị ô nhiễm cho người dân. Trong giai đoạn ngắn hạn (đến 2030): Giải tỏa các nghĩa địa nhỏ lẻ, rải rác trong các khu dân cư hiện hữu và chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp nhu cầu, ổn định; Quy hoạch 01 nghĩa trang nhân dân tập trung, quy mô 20 ha tại thôn Bình Thuận đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, hướng theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tiết kiệm quỹ đất theo quy định.

## **5.6. Đánh giá tác động môi trường**

### **5.6.1. Đánh giá hiện trạng môi trường**

- Môi trường nước (*nước thải, nước mặt, nước ngầm...*); môi trường không khí, tiếng ồn; môi trường không đất; quản lý chất thải rắn.

- Môi trường sinh thái (*về rừng, nông nghiệp, nước...*).

- Rủi ro môi trường.

### **5.6.2. Đánh giá tác động và diễn biến môi trường theo của định hướng phát triển**

- Đánh giá tác động theo các định hướng phát triển không gian đô thị.

- Diễn biến các thành phần môi trường: Diễn biến môi trường không khí, tiếng ồn; diễn biến môi trường đất; môi trường nước; môi trường sinh thái. Diễn biến



thay đổi cảnh quan; môi trường kinh tế - xã hội; môi trường văn hóa – lịch sử; tai biến và rủi ro môi trường.

#### 5.6.3. Biện pháp phòng ngừa

- Giải pháp bảo vệ môi trường đối với các khu vực sinh thái nông nghiệp; khu vực đô thị và khu ở; khu vực bảo tồn sinh thái.

- Giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường đối với môi trường nước, môi trường không khí, tiếng ồn.

- Các giải pháp quản lý, cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường; tăng cường tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức công tác bảo vệ môi trường. Cơ chế quản lý và giám sát tại các nguồn phát sinh chất thải.

5.6.4. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường: Bố trí mạng lưới quan trắc, kiểm tra chất lượng môi trường đất, nước, không khí và dự báo khí tượng thủy văn nhằm phát hiện kịp thời mọi biến động, thay đổi để có phương sách điều chỉnh thích nghi. Đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế và xử lý ô nhiễm. Việc quan trắc chất lượng môi trường cần được tiến hành định kỳ nhằm quản lý và kiểm soát được môi trường.

#### 6. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Hệ thống các công trình đầu mối sản xuất.
- Bổ sung hệ thống công trình hạ tầng xã hội.

#### 7. Các giải pháp thực hiện quy hoạch chủ yếu:

- Giải pháp huy động các nguồn vốn.
- Giải pháp về nguồn nhân lực.
- Giải pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường
- Các giải pháp giảm nghèo và an sinh xã hội.
- Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.
- Thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch.

**Điều 2.** Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

- Ủy ban nhân dân xã Bình Tiến có trách nhiệm chủ trì phối hợp Phòng Quản lý Đô thị thị xã tiếp tục tổ chức lập Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch đã được phê duyệt; triển khai công bố quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân liên quan biết để thực hiện theo quy định; Tham mưu tổ chức lập, thẩm định và trình phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch; Phát hành hồ sơ, cập nhật vào cơ sở dữ liệu GIS Huế và lưu trữ để sử dụng hồ sơ đồng bộ, đảm bảo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Bình Tiến thường xuyên tổ chức tuyên truyền, công khai, tổ chức quản lý quy hoạch, rà soát quy hoạch theo thẩm quyền đảm bảo quy định của pháp luật. Phối hợp các cơ quan liên quan để tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư, phát triển theo đúng quy hoạch được duyệt.



- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của ngành và lĩnh vực được phân công, các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp thường xuyên với Ủy ban nhân dân xã Bình Tiến để tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân thị xã; Trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Tiến và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, LT.

*W*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Duy Hùng*

*Nguyễn Duy Hùng*







Phụ lục 1. Bảng tổng hợp quy hoạch các loại đất đến năm 2035

TT	Loại đất	Kí hiệu	Tổng diện tích Quy hoạch xã Bình Tiên đến 2035	Tỷ lệ
Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)			13976,82	100
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>12317,05</b>	<b>88,12</b>
1,1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	820,97	5,87
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	HNC	334,88	2,40
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	21,13	0,15
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	313,75	2,24
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	LNC	447,26	3,20
1.1.3	Đất khu trang trại tổng hợp	DTT	24,20	0,17
1.1.4	Đất khu trồng rau tập trung	DTR	14,63	0,10
<b>1,2</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>LNP</b>	<b>11489,08</b>	<b>82,20</b>
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	4.226,26	30,24
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.262,82	51,96
<b>1,3</b>	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	<b>NTS</b>	<b>7,00</b>	<b>0,05</b>
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1601,11</b>	<b>11,46</b>
2,1	Đất ở	OCT	292,59	2,09
2.1.1	Đất ở chính trang	ONT	101,63	0,73
2.1.2	Đất ở quy hoạch mới	OQH	190,95	1,37
<b>2,2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>1202,11</b>	<b>8,60</b>
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,54	0,03
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP		
2.2.3	Đất an ninh	CAN	378,03	2,70
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	7,79	0,06
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	8,30	0,06
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	672,59	4,81
2.2.7	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DCR	0,01	0,00
2.2.8	Đất nặng lượng	DNL	130,85	0,94
<b>2,3</b>	<b>Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng</b>	<b>TON, TIN</b>	<b>2,17</b>	<b>0,02</b>
2.3.1	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,57	0,01
2.3.2	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,60	0,00
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,00	0,16
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	82,18	0,59
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,06	0,00
<b>3</b>	<b>Đất du lịch</b>	<b>DDL</b>	<b>41,94</b>	<b>0,30</b>
<b>4</b>	<b>Đất dự trữ phát triển</b>	<b>DPT</b>	<b>16,73</b>	<b>0,12</b>

